

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 08/04/2025.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thư và ông Phan Minh Ca.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sa Thầy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phan Hà Thi - Kiểm sát viên

Ngày 08- 4- 2025, tại Toà án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh KonTum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2024/TLST- HNGĐ ngày 05- 12- 2024 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13- 3- 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31- 3- 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1993, trú tại: Thôn A thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991, trú tại: Thôn A thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum.(Vắng mặt).

3. *Người làm chứng:* chị Nguyễn Thị Thúy Đ, sinh năm: 1984, trú tại: Thôn A thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29- 10- 2024 và bản tự khai, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã R, huyện S, tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13- 4- 2011. Thời gian đầu vợ chồng chị sống cùng cha mẹ chồng, trong cuộc sống có lúc xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị xảy ra từ năm 2020, khi chuyển ra sống riêng, nguyên nhân: vợ chồng chị không có việc làm ổn định nên giữa cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Thỉnh

thoảng, anh C chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị, vì thương con nên chị nhẫn nhịn mà không dám nói lại. Anh C cũng có đưa tiền nhưng không đảm bảo được cuộc sống của mẹ con chị, kinh tế gia đình chủ yếu do chị T xoay sở. Nhiều khi chị góp ý thì anh C lại kiêu căng chửi bới, chị T cũng nhờ gia đình hoà giải nhưng cha mẹ chồng chị nói đó là việc riêng của vợ chồng. Chị T không báo chính quyền địa phương vì nghĩ thương các con và thương cha mẹ, không muốn làm lớn mọi chuyện. Mâu thuẫn trở nên gay gắt là vào năm 2024, anh C gây ra một khoản nợ lớn khiến chị phải bán nhà và vợ chồng chị không sống chung với nhau nữa. Anh C về ở với cha mẹ, còn chị T ra ngoài buôn bán, kiếm tiền lo cho các con, hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. Nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, chị và anh C cũng đã thống nhất sẽ yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Vì vậy, chị T đề nghị Toà án nhân dân huyện Sa Thầy giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Nguyễn Võ Gia B, sinh ngày 01/11/2010 và Nguyễn Đồng Nhã L, sinh ngày 03/7/2013. Khi ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao các con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn C: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ gì và cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Thẩm phán, Thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định về phiên tòa xét xử vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người làm chứng thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 77 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BL TTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 và 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thanh T.
- Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tự lập được.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án **giải quyết**.
- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết .
- Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Võ Thị Thanh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn C, trú tại thôn A thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Đối với nguyên đơn và người làm chứng đã nộp đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn C vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn anh Nguyễn Văn C đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn Chung kết H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện S, tỉnh Kon Tum ngày 13- 4- 2011. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T xảy ra kể từ khi chúng tôi chuyển ra sống riêng vào năm 2020, nguyên nhân: vợ chồng chị T không có việc làm ổn định nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Thỉnh thoảng, anh C chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị T, vì thương con nên chị T nhẫn nhịn mà không dám nói lại. Anh C cũng có đưa tiền nhưng không đảm bảo được cuộc sống của mẹ con chị T, kinh tế gia đình chủ yếu do chị T xoay sở. Nhiều khi chị T góp ý thì anh C lại kiêu căng chửi bới. Mặc dù chị T báo gia đình nhưng cha mẹ chồng nói đó là việc riêng của anh chị và không can thiệp. Mâu thuẫn trở nên gay gắt là vào năm 2024, anh C gây ra một khoản nợ lớn khiến vợ chồng chị T phải bán nhà và không sống chung với nhau nữa. Anh C về ở với cha mẹ, còn chị T ra ngoài buôn bán, kiếm tiền lo cho các con, hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh C cũng được người làm chứng là chị Nguyễn Thị Thúy Đ xác nhận. Theo trình bày của chị Đ, nguyên nhân mâu thuẫn và cuộc sống của chị T và anh C xảy ra mâu thuẫn từ tháng 01 năm 2024 như chị T trình bày là đúng.

Đối với bị đơn, đã được Toà án thông báo về việc chị T nộp đơn xin ly hôn, nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, chứng tỏ anh C không có thiện chí hàn gắn tình cảm mà chỉ chờ hôn nhân tan vỡ.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Võ Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, **cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T**, xử cho chị T được ly hôn anh C.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Nguyễn Võ Gia B, sinh ngày 01/11/2010 và Nguyễn Đồng Nhã L, sinh ngày : 03/7/2013.

Xét thấy, các con chung đang ở với chị T và chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục các con. Quá trình giải quyết vụ án, các con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Xét thấy, các con chung còn nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ, anh C không có ý kiến về việc nuôi con chung. Để đảm bảo quyền và lợi ích của các con, cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T và giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Võ Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao các con chung tên là Nguyễn Võ Gia B, sinh ngày 01-11-2010 và Nguyễn Đồng Nhã L, sinh ngày: 03-7-2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự lập được.

Chị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi cần thiết, vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0001242, ngày 03-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để xin xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- UBND xã Rờ Kơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm